TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2023/DS-PT
Ngày: 29 - 5 - 2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Triệu Hữu**
Các Thẩm phán: Bà **Sơn Nữ Phà Ca**
Bà **Nguyễn Thị Kim Chi**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Vệ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông **Phan Thanh Hào** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 62/2023/TLPT-DS, ngày 17 tháng 4 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DSST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 77/2023/QĐPT-DS, ngày 18 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 90/2023/QĐ-PT, ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Lý Trần Tuấn K**, sinh năm 1974. Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Võ Khương D**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà **Nghiêm Tú P**, sinh năm 1982. Địa chỉ: ấp L, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long: vắng mặt

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Văn T, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp M, xã M, thị xã B, tỉnh Vĩnh Long, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày

25/10/2022): có mặt.

- *Người kháng cáo:* Ông Võ Khương D là bị đơn và bà Nghiêm Tú P là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 06 tháng 10 năm 2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Lý Trần Tuấn K trình bày:

Năm 2022, ông K có cho ông Võ Khương D mượn tiền (vay không có lãi) nhiều lần. Đến ngày 08/3/2022, kết nợ lại bằng giấy nợ do ông D viết, ký tên với số tiền tổng cộng 4.355.000.000 đồng. Ngày 12/3/2022, ông K cho ông D mượn tiếp số tiền 250.750.000 đồng, ông D có ghi chú thêm và ký tên vào giấy nợ ngày 08/3/2023. Tổng cộng, ông D đã mượn 4.605.750.000 đồng. Khi cho mượn tiền, ông K không tính lãi suất. Mục đích ông D mượn tiền để làm ăn phát triển kinh tế gia đình.

Sau đó, ông D có trả tiền cho ông K nhiều lần, tổng cộng số tiền 2.590.000.000 đồng. Bao gồm: lần 1, ngày 12/3/2022, ông D trả số tiền 540.000.000 đồng. Lần 2, ông D trả 50.000.000 đồng. Lần 3, ông D gửi mẹ ông D trả 30.000.000 đồng. Lần 4, ông D trả 70.000.000 đồng. Lần 5, ông K mua phà của ông D trừ cấn qua tiền mượn là 1.000.000.000 đồng. Lần 6, ông K mua phà ông Võ Hồng H là cha của ông D nhưng thỏa thuận trừ cấn qua tiền mượn cho ông D là 900.000.000 đồng. Do vậy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Võ Khương D phải trả lại số tiền vốn vay còn nợ là 2.015.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2022 đến 10/2022 với lãi suất 0,83%/tháng bằng 100.347.000 đồng. Tổng cộng là 2.115.347.000 đồng.

Tại bản khai ý kiến và trong quá trình xét xử, bị đơn là ông Võ Khương D và người đại diện hợp pháp trình bày:

Vào ngày 19/9/2020, ông D có vay của ông Lý Trần Tuấn K số tiền 1.000.000.000 đồng và ngày 16/10/2020, vay số tiền 2.000.000.000 đồng, lãi suất 9%/tháng, mục đích vay để làm vốn kinh doanh và làm ăn. Đến ngày 08/3/2022, ông K và ông D kết nợ lại bằng giấy nợ do ông D viết và có ký ghi họ tên, trong đó bao gồm 3.000.000.000 đồng là tiền gốc, 355.000.000 đồng là tiền lãi và 1.000.000.000 đồng là tiền ông D hứa thưởng cho ông K khi kinh doanh làm ăn có lời sẽ cho ông K số tiền này, cộng chung lại trong biên nhận là 4.355.000.000 đồng. Đến ngày 12/3/2022, ông D vay tiếp số tiền 250.750.000 đồng, có ghi thêm số tiền vay và ký, ghi họ tên vào biên nhận ngày 08/3/2022.

Ông D đã thanh toán tiền vốn cho ông K nhiều lần như ông K trình bày với số tiền 2.590.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 2.015.000.000 đồng, trong đó có 1.000.000.000 đồng là tiền hứa thưởng, nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông D không đồng ý tiếp tục trả cho ông K số tiền hứa thưởng này.

Nay ông D đồng ý trả cho ông K số tiền nợ 1.015.000.000 đồng và tiền lãi 06 tháng, lãi suất 0,83%/tháng bằng 50.547.000 đồng. Tổng cộng, chỉ đồng ý trả 1.065.547.000 đồng.

Tại bản khai ý kiến và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nghiêm Tú P và người đại diện hợp pháp trình bày:

Thống nhất theo ý kiến trình bày của chồng là ông Võ Khương D. Bà P đồng ý trả cho ông K số tiền 1.015.000.000 đồng và tiền lãi 50.547.000 đồng. Không đồng ý trả cho ông K số tiền 1.000.000.000 đồng vì là tiền hứa thưởng riêng giữa ông D và ông K, bà P không biết.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DS-ST ngày 27 tháng 02 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Vĩnh Long đã tuyên xử:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 và Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 ; Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân gia đình; Điều 3, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Trần Tuấn K.

Buộc ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P có nghĩa vụ trả cho ông Lý Trần Tuấn K số tiền nợ vay vốn là 2.015.000.000 đồng (hai tỷ không trăm mười lăm triệu đồng) và tiền lãi là 100.347.000 đồng (một trăm triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P phải nộp 74.307.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Ông Lý Trần Tuấn K không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Lý Trần Tuấn K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 37.360.000 đồng theo biên lai thu số 0008755 ngày 12/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện V.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 10 tháng 3 năm 2023, bị đơn là ông Võ Khương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nghiêm Tú P có đơn kháng cáo yêu cầu sửa bản án số: 06/2023/DSST ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện Vũng L theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền gốc là 1.015.000.000 đồng, lãi suất 0,83% theo quy định và không chấp nhận số tiền 1.000.000.000 đồng tiền hứa thưởng. Lý do kháng cáo: ông D chỉ vay của ông K 02 lần số tiền 3.000.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng, lãi suất 9%/tháng, đã đóng lãi nhiều lần do ông K ghi và giữ sổ sách. Do không có khả năng đóng lãi nên ngày 08/3/2022 chốt sổ tiền gốc 3.000.000.000 đồng, tiền lãi 355.000.000 đồng và 1.000.000.000 đồng tiền hứa thưởng nên biên nhận mới có số tiền 4.355.000.000 đồng. Việc hứa thưởng bà Nghiêm Tú P không biết.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo thay đổi một phần yêu cầu kháng cáo. Ông D đồng ý cùng bà P trả số tiền 1.015.000.000 đồng và đồng ý trả nợ cá nhân số tiền 1.000.000.000 đồng.

Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, đề nghị không chấp nhận kháng cáo.

Trong phần tranh tụng, các đương sự thống nhất và không thống nhất.

- Vấn đề thống nhất:

Về tố tụng: Quan hệ pháp luật tranh chấp, tư cách đương sự, phạm vi kháng cáo và không khiếu nại về tài liệu chứng cứ.

Biên nhận ngày 08/3/2022 do ông D tự viết và ký, ghi họ tên. Số tiền 4.355.000.000 đồng theo biên nhận là tổng số tiền ông D đã vay mượn nhiều lần trước đó. Sau ngày 12/3/2022, hai bên không còn vay mượn thêm lần nào nữa.

Về nội dung: Ông D và bà P là vợ chồng hợp pháp. Giữa ông D và ông K có quan hệ làm ăn trong kinh doanh bến phà trong thời gian dài. Việc ông D vay tiền từ ông K, bà P không có ý kiến phản đối. Biên ngày 08/3/2022 là do ông D viết, ký tên, thể hiện đúng ý chí của các đương sự.

Về quan hệ tài sản: Ông D và bà P không có văn bản thỏa thuận tài sản riêng, tài sản chung và chưa có phân chia tài sản trong thời kỳ hôn nhân.

Về yêu cầu khởi kiện: Ông K rút lại một phần yêu cầu khởi kiện về tiền lãi, số tiền 100.347.000 đồng, chỉ yêu cầu ông D và bà P trả số tiền còn nợ vốn 2.015.000.000 đồng cùng tiền lãi theo quy định trong giai đoạn thi hành án.

- Vấn đề không thống nhất: Ông D trình bày có 1.000.000.000 đồng trong số tiền còn lại theo biên nhận nợ là tiền hứa thưởng và đồng ý trả với tư cách cá nhân nhưng ông K không đồng ý vì cho rằng không có việc hứa thưởng mà là tiền vay nên ông D, bà P cùng có nghĩa vụ trả nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng: Tất cả đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến xét xử phúc thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P là không có căn cứ chấp nhận. Bởi vì, không chứng minh được số tiền 1.000.000.000 đồng trong tổng số tiền nợ là tiền hứa thưởng.

Tại phiên tòa, ông K rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện nên đình chỉ xét xử về tiền lãi do nguyên đơn đã rút.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Đình chỉ xét xử về phần tiền lãi.
- Không chấp nhận kháng cáo của ông D và bà P.
- Sửa án sơ thẩm về phần án phí.
- Về án phí dân sự phúc thẩm. Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh luận và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục:* Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án vào ngày 27/02/2023 đến ngày 10/3/2023, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo là còn trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định nên được xem xét,

giải quyết theo trình tự, thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Các tài liệu, chứng cứ được giao nộp trong giai đoạn phúc thẩm, các đương sự không khiếu nại chứng cứ nên có giá trị chứng minh trong vụ án.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] Xét yêu cầu kháng cáo không đồng ý trả số tiền 1.000.000.000 đồng do là tiền hứa thưởng.

Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, cấp sơ thẩm đã có yêu cầu cung cấp chứng cứ chứng minh việc hứa thưởng. Trong giai đoạn phúc thẩm, người kháng cáo cũng không cung cấp được giấy tờ, tài liệu, chứng cứ chứng minh việc chỉ vay mượn số tiền vốn 3.000.000.000 đồng và số tiền 1.000.000.000 đồng trong tổng số tiền 4.355.000.000 đồng theo biên nhận ngày 08/3/2022 là tiền hứa thưởng như nội dung hứa thưởng, công việc thực hiện, thời hạn hứa thưởng,... Ngoài lời trình bày không được nguyên đơn chấp nhận, người kháng cáo không có chứng cứ chứng minh cho lý do kháng cáo. Do ông D, bà P là đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên kháng cáo của ông D, bà P không đủ cơ sở để được chấp nhận.

[2.3] Xét yêu cầu khởi kiện của ông K

Ông Lý Trần Tuấn K khởi kiện yêu cầu ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P có nghĩa vụ trả tiền nợ vay 2.015.000.000 đồng là phù hợp. Biên nhận ngày 08/3/2022 và lời thừa nhận của ông D, sự không phản đối của bà P.

Tại phiên tòa, ông K tuy không kháng cáo nhưng tự nguyện rút yêu cầu tiền lãi 100.347.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu và có lợi cho ông D, bà P nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về án phí:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện nên cần điều chỉnh lại án phí và sửa án sơ thẩm về nội dung này. Ông D, bà P phải chịu án phí có giá ngạch tương ứng số tiền theo nghĩa vụ phải trả. Cụ thể:

Ông D, bà P phải chịu án phí: 72.000.000.000 đồng + (2.015.000.000 đồng - 2.000.000.000 đồng) x 2% = 72.300.000.000 đồng.

Ông K không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[3.2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo, sửa án sơ thẩm như đề nghị của V đại diện Viện kiểm sát.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về trả lại tiền tạm ứng án phí cho ông K, quyền và nghĩa vụ thi hành án không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền lãi 100.347.000 đồng do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Khương D và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nghiêm Tú P.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 06/2023/DSST, ngày 27/02/2023 của Tòa án nhân dân huyện V.

Áp dụng Điều 463, Điều 465, Điều 466; Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27, Điều 37 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 26, Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lý Trần Tuấn K.

Buộc ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P phải có nghĩa vụ trả cho ông Lý Trần Tuấn K số tiền nợ vốn vay 2.015.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm mười lăm triệu đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

2.1. Án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P phải nộp 72.300.000 đồng (bảy mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng)

Hoàn trả lại cho ông Lý Trần Tuấn K 37.360.000 đồng (ba mươi bảy triệu ba trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0008755 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V.

2.2. Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Khương D và bà Nghiêm Tú P không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền tạm ứng án phí do ông Võ Khương D đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009266 và do bà Nghiêm Tú P đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0009267 cùng ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V sẽ được khấu trừ vào tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Tp.HCM;
- Chánh án;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND huyện V;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lâm Triệu Hữu